

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày 10 tháng 4 năm 2025
*“V/v Tranh chấp Kiện đòi nợ theo Hợp
đồng mua bán hàng hoá”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Tất Hưng

Ông Phan Duy Lục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 126/2024/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc *“Tranh chấp kiện đòi nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hoá”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Minh D, sinh năm 1984; Địa chỉ: TDP X, phường P, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: TDP L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1973; Địa chỉ: TDP P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2024 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn - Bà Hoàng Thị Minh D trình bày:

Bà Vũ Thị C sinh năm 1973, hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc làm nghề kinh doanh buôn bán hoa quả, các con và chồng của bà C không đóng góp gì vào việc kinh doanh của bà C. Quá trình bán hàng, bà C có cho một vài khách hàng quen được nợ tiền mua hàng để giữ mối

buôn bán, một trong số các khách hàng nợ tiền nhiều nhất của cửa hàng có bà Nguyễn Thị T sinh năm 1986, ở địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Bà T bắt đầu lấy hàng và nợ tiền bà C từ đầu năm 2018. Số nợ mỗi lần bà T mua trái cây sẽ được trừ dần cho những lần mua hàng sau đó nhập hàng mới sẽ trả dần số nợ cũ. Mỗi lần nhập hàng và nợ tiền thì bà C có sổ theo dõi riêng đối với khách hàng là bà T (sổ ghi là T nợ bà C). Cứ như vậy, việc nợ cũ dồn nợ mới, lấy hàng mới trả nợ cũ giữa bà C và bà T vẫn diễn ra trong vài năm từ năm 2018 đến năm 2023. Bà T ghi sổ nợ của bà C và ký tên, điểm chỉ vào sổ nhận nợ. Bà T vẫn thanh toán các khoản nợ của bà C mỗi lần mua hàng thành nhiều đợt cho bà C. Tuy nhiên, việc thanh toán ngày càng nhỏ giọt và ít đi từ 21/5/2019 đối với tổng khoản tiền nợ trái cây mà bà T nợ bà C năm 2018 là: 573.500.000 đồng. Cụ thể: Năm 2019, bà T thanh toán nhiều lần cho bà C tổng cộng trả được 135.000.000 đồng. Năm 2022 trả được: 17.000.000 đồng; Năm 2023 trả được: 14.000.000 đồng; Tháng 01/2024 trả được: 4.000.000 đồng. Tính đến tháng 10/2024 bà T còn nợ bà C tổng số tiền hàng là 403.500.000 đồng (*Bốn trăm linh ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Do số nợ quá lớn mà bà T không có thiện chí trả nợ, không có những động thái để tiếp tục trả nợ nên bà C quyết định ngừng bán trái cây nợ cho bà T đồng thời yêu cầu bà T phải tất toán trả hết toàn bộ số nợ nêu trên cho bà C nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ tiền hàng.

Ngày 17/5/2024, bà C đã ký văn bản thỏa thuận về việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ đối với người có nghĩa vụ trả nợ là bà Nguyễn Thị T (Sinh năm: 1986, ở địa chỉ: Thôn L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc) đối với số tiền 403.500.000 đồng cho bà Hoàng Thị Minh D. Bà C và D đã thống nhất chuyển giao toàn bộ quyền yêu cầu đòi nợ bà T cho bà để bà có toàn quyền yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ nêu trên cho bà C theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ giữa bà C và bà thì thông qua hệ thống chuyển phát nhanh của bưu điện, bà C đã có 01 Thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ gửi cho bà T. Đồng thời, bà đã yêu cầu bà T trả nợ, nhưng bà T vẫn không trả nợ cũng như không thông báo lại cho bà. Nhận thấy bà T có hành vi cố tình trốn tránh, trì hoãn nghĩa vụ phải trả nợ dù đã được tạo điều kiện về thời gian thực hiện trả nợ nhưng bà T vẫn không phối hợp trả khoản nợ này. Vì vậy, với tư cách là người thế quyền yêu cầu đòi nợ từ người chuyển quyền bà Vũ Thị C, bà đã làm đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị T ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2024 nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà đầy đủ toàn bộ số tiền nợ gốc là 403.500.000 đồng (*Bốn trăm linh ba*

triệu năm trăm nghìn đồng) và khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả kể từ ngày 21/6/2024 theo quy định của pháp luật, tính đến ngày xét xử. Tuy nhiên qua đối chiếu sổ nợ của bà T thì ngày 5/3/2024 bà T đã trả bà C 4.000.000đồng. Do vậy số nợ còn lại là 399.500.000đồng (*Ba trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng*) bà T chưa thanh toán trả bà C. Quá trình giải quyết vụ án, tháng 11/2024 bà T tiếp tục trả nợ cho bà C số tiền 6.000.000đồng, ngày 23/01/2025 bà T trả nợ bà C số tiền 5.000.000đồng. Số tiền nợ còn lại là 388.500.000đồng. Do vậy tại phiên toà nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho bà tổng số tiền nợ là 406.862.875 đồng, trong đó nợ gốc là 388.500.000đồng và tiền lãi tính 10% kể từ ngày 22/10/2024 (ngày thụ lý) đến ngày 10/4/2025 là 18.362.875 đồng. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: Kể từ ngày 22/10/2024 đến ngày 11/11/2024: $399.500.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 21\text{ ngày} = 2.298.493\text{ đồng}$; Kể từ ngày 12/11/2024 đến ngày 23/01/2025: $393.500.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 72\text{ ngày} = 7.762.191\text{đồng}$; Kể từ ngày 24/01/2025 đến ngày 10/4/2025: $388.500.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 78\text{ ngày} = 8.302.191\text{ đồng}$. Ngoài ra bà T còn phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 11/4/2025) với mức lãi suất là 10%/năm đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết khoản tiền nói trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên toà. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần tổng đạt giấy báo, giấy triệu tập cho bà T nhưng do bà T không có mặt ở nhà nên Toà án đã niêm yết công khai các thông báo của Toà án theo quy định pháp luật. Khi đến gia đình bà T có ông Nguyễn Văn T1 là chồng bà T ở nhà nhưng ông T1 từ chối làm việc với Toà án nên không thể lấy lời khai, làm việc được với bà T. Ngày 20/3/2025 Toà án phối hợp với cán bộ UBND thị trấn T tiếp tục đến nhà chị T để làm việc và tổng đạt thông báo của Toà án nhưng khi đến nhà chỉ có anh Nguyễn Văn T1 là chồng chị T ở nhà, anh T1 cho biết bà T và bà C có quan hệ họ hàng, bà T có nợ tiền hàng của bà C và vẫn đang tiếp tục trả nợ cho bà C, cụ thể số tiền bao nhiêu thì ông không biết, ông T1 nhận thông báo của Toà án nhưng không ký biên bản.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Vũ Thị C vắng mặt tại phiên toà. Tại bản tự khai ngày 23/10/2024 bà C trình bày: Bà kiếm sống bằng công việc buôn bán trái cây tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, còn bà Nguyễn Thị T là khách quen nhập hàng của bà. Do tin tưởng bà T nên bà thường cho bà T nợ tiền hàng khi lấy hàng, bà T bắt đầu lấy hàng và nợ tiền bà từ đầu năm 2018, số nợ mỗi lần bà T mua trái cây sẽ được trừ dần cho những lần mua hàng sau đó - nhập hàng mới sẽ trả dần số nợ cũ. Mỗi khi lấy hàng nợ tiền thì bà T ghi sổ nợ của bà

và ký tên vay nợ để làm tin giữa 02 bên. Nhưng đến nay, bà T không còn chịu trả nợ tiền hàng cho bà nữa. Hiện nay, tổng số nợ tiền hàng mà bà T nợ bà là 403.500.000 đồng (Bốn trăm linh ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà đã nhiều lần yêu cầu bà T phải tất toán trả hết toàn bộ số nợ nêu trên cho bà nhưng bà T không thực hiện. Ngày 17/5/2024, bà đã chuyển giao toàn bộ quyền yêu cầu đòi nợ bà T cho bà Hoàng Thị Minh D để bà D có toàn quyền yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ nêu trên theo đúng quy định của pháp luật. Nay, bà D khởi kiện bà Nguyễn Thị T ra Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà đề nghị giải Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh D.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát không phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ người nợ tiền, chữ ký, chữ viết, điểm chỉ tại sổ nợ nguyên đơn giao nộp là Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 ở tổ dân phố L, thị trấn T, huyện V hay không? Trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Hoàng Thị Minh D có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị T, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mua bán hàng hoá giữa bà Vũ Thị C với bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T là bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của T2 án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với sự vắng mặt của bị đơn là bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập, thông báo và niêm yết công khai hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có

lý do. Vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Minh D xác định: Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1986, ở địa chỉ: Thôn L, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc có mua hàng hoa quả của bà Vũ Thị C sinh năm 1973, cư trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc, khi mua hàng hai bên thoả thuận: Bà C bán hàng cho bà T từ đầu năm 2018, mỗi lần lấy hàng sẽ nợ tiền, số nợ mỗi lần bà T mua trái cây sẽ được trừ dần cho những lần mua hàng sau đó nhập hàng mới sẽ trả dần số nợ cũ. Cứ như vậy, việc nợ cũ dồn nợ mới, lấy hàng mới trả nợ cũ giữa bà C và bà T vẫn diễn ra trong nhiều năm từ năm 2018 đến năm 2023, bà T đã trực tiếp ghi sổ nợ của bà C và ký tên vay nợ giữa 02 bên. Bà T vẫn thanh toán các khoản nợ của mỗi lần mua hàng thành nhiều đợt cho bà C. Tuy nhiên, việc thanh toán ngày càng ít đi từ 21/5/2019 đối với tổng khoản tiền nợ trái cây mà bà T nợ bà C năm 2018 là 573.500.000 đồng, năm 2019, bà T thanh toán tiếp tục nhiều lần cho bà C tổng cộng trả được 135.000.000 đồng, năm 2022 trả được 17.000.000 đồng, năm 2023 trả được: 14.000.000 đồng, tháng 01/2024 trả được: 4.000.000 đồng, ngày 5/3/2024 bà T trả bà C 4.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, tháng 11/2024 bà T tiếp tục trả nợ cho bà C số tiền 6.000.000 đồng, ngày 23/01/2025 bà T trả nợ bà C số tiền 5.000.000 đồng. Như vậy, cho đến hiện tại, số tiền mà bà T còn nợ bà C là 388.500.000 đồng (*Ba trăm tám mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng*). Ngày 17/5/2024, bà C đã ký văn bản thoả thuận về việc chuyển giao quyền yêu cầu đòi nợ cho bà Hoàng Thị Minh D. Bà C và bà D đã thống nhất chuyển giao toàn bộ quyền yêu cầu đòi nợ bà T cho bà D để bà D có toàn quyền yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ nêu trên theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho bà tổng số tiền nợ là 406.862.875 đồng, trong đó nợ gốc là 388.500.000 đồng và tiền lãi tính 10% kể từ ngày 22/10/2024 (ngày thụ lý) đến ngày 10/4/2025 là 18.362.875 đồng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên cần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu và không nhất trí giám định chữ ký, chữ viết của bà T, mặt khác bị đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa sơ thẩm; Ngày 06/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường phối hợp với UBND thị trấn T đến nhà bà T để làm việc lấy lời khai

của bà T. Khi đến nhà chỉ có ông Nguyễn Văn T1 là chồng bà T ở nhà, ông T1 cho biết bà T đi bán hàng hay đi đâu ông không biết, hàng ngày bà T sáng đi làm đến tối mới về nhà sinh hoạt bình thường, ông không biết gì về việc nợ tiền hàng của bà T với bà C, ông không liên quan gì đến và không đồng ý làm việc với Toà án. Bà T đã được Tòa án thông báo cho biết việc bà D khởi kiện yêu cầu trả nợ số tiền 403.500.000đồng, bà T biết nhưng không có ý kiến gì. Ngày 23/01/2025 bà Nguyễn Thị T vẫn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà C thông qua chuyển khoản ngân hàng. Như vậy căn cứ Điều 70, Điều 72, Điều 91, Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự bị đơn đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình về nghĩa vụ chứng minh, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là sổ theo dõi nợ tiền hàng đã được gửi cho bị đơn, Toà án đã thông báo và công khai chứng cứ để bà T được biết nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên được hiểu là “*Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*” theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy có đủ cơ sở để xác định bà Nguyễn Thị T có nợ tiền của bà Vũ Thị C là đúng, việc bà Hoàng Thị Minh D có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Cần buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị Minh D số tiền trên để đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

[2.2] Về số tiền lãi: Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2024 nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả kể từ ngày 21/6/2024 theo quy định của pháp luật, tính đến ngày xét xử. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả kể từ ngày 22/10/2024 (ngày Toà án thụ lý vụ án) với mức lãi suất là 10%/năm đến ngày xét xử là 18.362.875 đồng. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: Kể từ ngày 22/10/2024 đến ngày 11/11/2024: $399.500.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 21\text{ ngày} = 2.298.493\text{ đồng}$; Kể từ ngày 12/11/2024 đến ngày 23/01/2025: $393.500.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 72\text{ ngày} = 7.762.191\text{đồng}$; Kể từ ngày 24/01/2025 đến ngày 10/4/2025: $388.500.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 78\text{ ngày} = 8.302.191\text{ đồng}$. Ngoài ra bà T còn phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 11/4/2025) với mức lãi suất là 10%/năm đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết khoản tiền nói trên. Hội đồng xét xử nhận định, việc bà Nguyễn Thị T chậm trả tiền hàng mặc dù đã được thông báo, đôn đốc rất nhiều lần nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, do vậy yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cần buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ tiền hàng cho bà Hoàng Thị Minh D tổng số tiền là 406.862.875 đồng, trong đó nợ gốc là 388.500.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/4/2025 là 18.362.875 đồng. Bà T còn phải chịu lãi chậm trả kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (ngày 11/4/2025) với mức lãi suất là 10%/năm đối với số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết khoản tiền nói trên.

3. *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Số tiền bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả nguyên đơn là 406.862.875 đồng nên án phí giá ngạch tài sản bà T phải chịu là 20.0000.000 đồng + 4% x 6.862.875 đồng (phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000đ) = 20.274.515đồng (được làm tròn là 20.275.000đồng). Bà Hoàng Thị Minh D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 280, Điều 357, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72; Điều 91, Điều 92; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh D.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán trả nợ cho bà Hoàng Thị Minh D số tiền 406.862.875 đồng, trong đó nợ gốc là 388.500.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/4/2025 là 18.362.875 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bà D có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên, nếu bà Nguyễn Thị T chậm nộp tiền thanh toán thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 20.274.515đồng (được làm tròn là 20.275.000đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Hoàng Thị Minh D số tiền 10.070.000đồng (mười triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005149 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải